**Phụ lục II**

**DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LĨNH VỰC MỸ PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ TỈNH LẠNG SƠN (02 TTHC CẤP TỈNH)**

*(Kèm theo Quyết định số: 1712/QĐ-UBND ngày 29/7/2025*

*của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

**Phần I**

**DANH MỤC TTHC ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY**

**TRÌNH NỘI BỘ THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA**

| **Số TT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước |  |
| 2 | Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm |  |

**Phần II**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA**

**CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT:**

- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC.

- Thủ tục hành chính: TTHC.

- Công chức một cửa: CCMC.

**-** Nghiệp vụ Y - Dược: NVYD.

**1. Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước**

**Thời gian thực hiện TTHC:**

- Trường hợp hồ sơ công bố hợp lệ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và phí theo quy định

- Trường hợp hồ sơ công bố chưa đáp ừng hoặc hồ sơ bổ sung: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

| **Số TT** | **Trình tự** | **Trách nhiệm**  **thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| B1 | Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định *(nếu là hồ sơ điện tử thì các thành phần hồ sơ phải là scan từ bản gốc dạng tệp pdf hoặc bản điện tử ký số):*  - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và chuyển hồ sơ cho Công chức được phân công giải quyết TTHC thuộc phòng NVYD.  - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ cho công dân kèm theo ghi chú yêu cầu công dân bổ sung chỉnh sửa cụ thể hồ sơ. | CCMC tại TTPVHCC | 0,5 ngày  làm việc |
| B2 | Thẩm định hồ sơ:  - Trường hợp hồ sơ công bố hợp lệ: dự thảo văn bản thông báo số phiếu tiếp nhận công bố.  - Trường hợp hồ sơ công bố chưa đáp ứng yêu cầu: Dự thảo văn bản thông báo nội dung chưa đáp ứng để tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hồ sơ.  Trình lãnh đạo phòng. | Công chức được phân công giải quyết TTHC | - Trường hợp hồ sơ công bố hợp lệ: 0,5 ngày làm việc.  - Trường hợp hồ sơ công bố chưa đáp ứng yêu cầu: 2,5 ngày làm việc. |
| B3 | Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở | Lãnh đạo phòng NVYD | 0,5 ngày  làm việc |
| B4 | Xem xét, phê duyệt văn bản, chuyển văn thư ban hành | Lãnh đạo Sở | 0,5 ngày  làm việc |
| B5 | Vào sổ, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ, phát hành văn bản | Văn thư Sở | 0,5 ngày  làm việc |
| B6 | Trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.  - Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ: Dừng hồ sơ 03 tháng kể từ ngày ghi trên văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. **Quay lại B1** sau khi nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung. | Công chức được phân công giải quyết TTHC | 0,5 ngày  làm việc |
| B7 | - Trả kết quả giải quyết TTHC;  - Thống kê, theo dõi. | CCMC tại TTPVHCC | Không tính thời gian |
| **Tổng thời gian thực hiện TTHC** | | | - Trường hợp hồ sơ công bố hợp lệ: 03 ngày làm việc.  - Trường hợp hồ sơ công bố chưa đáp ứng yêu cầu: 05 ngày làm việc. |

**Ghi chú:** *Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ban hành văn bản thông  
báo, nếu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không nhận được hồ sơ bổ sung của tổ chức, cá nhân đứng tên công bố thì hồ sơ công bố không còn giá trị. Trong trường hợp này, nếu tổ chức, cá nhân muốn tiếp tục công bố thì phải nộp hồ sơ mới  
và nộp lệ phí mới theo quy định.*

**2. Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm**

**Thời gian thực hiện TTHC**: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm.

| **Số TT** | **Trình tự** | **Trách nhiệm**  **thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- |
| B1 | Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định *(nếu là hồ sơ điện tử thì các thành phần hồ sơ phải là scan từ bản gốc dạng tệp pdf hoặc bản điện tử ký số):*  - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh *(trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến),* ghi giấy biên nhận hẹn ngày trả kết quả *(trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp)* và chuyển hồ sơ cho Công chức được phân công giải quyết TTHC thuộc phòng NVYD;  - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ cho công dân kèm theo ghi chú yêu cầu công dân bổ sung chỉnh sửa cụ thể hồ sơ. | CCMC tại TTPVHCC | 0,5 ngày  làm việc |
| B2 | Thẩm định hồ sơ:  - Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: dự thảo văn bản chấp thuận đơn hàng.  - Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: Xem xét đơn hàng, điền các thông tin chấp thuận trên đơn hàng.  Trình lãnh đạo phòng | Công chức được phân công giải quyết TTHC | 0,5 ngày  làm việc |
| B3 | - Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Xem xét văn bản, xem xét đơn hàng.  - Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: Xem xét đơn hàng.  Trình Lãnh đạo Sở. | Lãnh đạo phòng NVYD | 0,5 ngày  làm việc |
| B4 | - Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Xem xét, phê duyệt văn bản, chuyển văn thư ban hành.  - Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: xem xét, phê duyệt đơn hàng. Chuyển đơn hàng sau khi phê duyệt cho công chức được phân công giải quyết TTHC, chuyển B6. | Lãnh đạo Sở | 0,5 ngày  làm việc |
| B5 | Vào sổ, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ, phát hành văn bản | Văn thư Sở | 0,5 ngày  làm việc |
| B6 | - Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.  - Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: Chuyển kết quả cho CCMC tại TTPVNHCC | Công chức được phân công giải quyết TTHC | - Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: 0.5 ngày làm việc.  - Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: 01 ngày làm việc |
| B7 | - Trả kết quả giải quyết TTHC;  - Thống kê, theo dõi. | CCMC tại TTPVHCC | Không tính thời gian |
| **Tổng thời gian thực hiện TTHC** | | | 03 ngày  làm việc |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**